

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng được xem là các bên có liên quan là các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn (gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
5.1 Tiền		31/12/2017		01/01/2017	
		VND		VND	
Tiền mặt – VND		711.732.385		374.787.677	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND		6.119.031.522		13.793.247.739	
		6.830.763.907		14.168.035.416	
5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng		31/12/2017		01/01/2017	
		VND		VND	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>					
Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh		3.465.206.581		3.885.023.285	
Công ty TNHH Dược phẩm Đại Quang		5.498.356.831		3.760.228.843	
Công ty TNHH Shine Pharma		67.475.000		1.843.619.717	
Các khách hàng khác		5.301.884.938		3.849.581.114	
		14.332.923.350		13.338.452.959	
5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn		31/12/2017		01/01/2017	
		VND		VND	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>					
Công ty TNHH Cơ Khí Thái Nam Quỳnh		101.385.000		-	
Công ty TNHH SX Bao bì Nam Việt		67.914.000		-	
Công ty TNHH Cơ khí Chính xác Minh Luân		44.935.000		165.015.000	
Meyer Pharmaceuticals Ltd		22.652.360		949.875.000	
Công ty TNHH MTV Thương mại Thiết bị Duy Khang		-		2.439.754.750	
Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Sơn Trà		-		596.718.050	
Các người bán khác		-		784.525.853	
		236.886.360		4.935.888.653	
5.4 Phải thu ngắn hạn khác		31/12/2017		01/01/2017	
		Giá trị Dự phòng		Giá trị Dự phòng	
		VND VND		VND VND	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>					
Phải thu nhân viên về việc thu tiền hàng chưa nộp quỹ		1.982.492.171 -		- -	
Phải thu các cửa hàng		- -		525.000.000 -	
Tạm ứng nhân viên		153.247.156 -		40.253.261 -	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		16.000.000 -		16.000.000 -	
		2.151.739.327 -		581.253.261 -	

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu (*)	13.801.388.378	(134.956.429)	8.836.250.060	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.869.822.881	-	3.520.373.720	-
Thành phẩm	5.047.820.162	(733.470.966)	6.988.628.680	(138.905.277)
Hàng hóa	2.100.592.264	(369.208.821)	1.994.571.206	(93.204.168)
	23.819.623.685	(1.237.636.216)	21.339.823.666	(232.109.445)

(*) Toàn bộ giá trị hàng tồn kho là nguyên liệu đã được thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (xem thêm *Thuyết minh mục 5.17.1*).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	(232.109.445)	-
Trích lập dự phòng trong năm	(1.007.923.521)	(232.109.445)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	83.853	-
Xóa sổ hàng tồn kho hết hạn sử dụng đã trích lập dự phòng	2.312.897	-
Số dư cuối năm	(1.237.636.216)	(232.109.445)

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí bảo hiểm	77.316.133	87.584.361
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà ăn	53.730.459	-
Công cụ, dụng cụ	89.152.666	-
	220.199.258	87.584.361

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí thuê gian hàng	101.182.588	114.197.847
Công cụ, dụng cụ	1.917.419.307	665.302.159
	2.018.601.895	779.500.006

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2017	40.302.809.688	25.623.889.712	1.162.536.807	76.500.000	219.047.619	67.384.783.826
Mua trong năm	-	7.801.515.951	-	-	32.000.000	7.833.515.951
Xây dựng cơ bản hoàn thành	26.866.910.088	-	710.000.000	-	-	27.576.910.088
Thanh lý trong năm	-	-	(141.606.706)	-	-	(141.606.706)
Tại ngày 31/12/2017	67.169.719.776	33.425.405.663	1.730.930.101	76.500.000	251.047.619	102.653.603.159
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2017	5.262.869.056	12.261.258.343	714.988.239	36.000.000	219.047.619	18.494.163.257
Khấu hao trong năm	1.044.861.748	2.197.402.137	228.441.648	9.000.000	-	3.479.705.537
Thanh lý trong năm	-	-	(141.606.706)	-	-	(141.606.706)
Tại ngày 31/12/2017	6.307.730.804	14.458.660.480	801.823.181	45.000.000	219.047.619	21.832.262.084
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2017	35.039.940.632	13.362.631.369	447.548.568	40.500.000	-	48.890.620.569
Tại ngày 31/12/2017	60.861.988.972	18.966.745.183	929.106.920	31.500.000	32.000.000	80.821.341.075

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	461.118.928	4.444.929.847	141.606.706	31.500.000	219.047.619	5.298.203.100
Tại ngày 31/12/2017	461.118.928	3.321.097.727	-	-	219.047.619	4.001.264.274

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 41.054.193.069 VND (tại 01/01/2017 là 13.362.631.369 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn.

Xem thêm Thuyết minh mục 5.17.2.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	23.880.406.901	30.000.000	23.910.406.901
Tại ngày 31/12/2017	23.880.406.901	30.000.000	23.910.406.901
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	2.342.589.567	30.000.000	2.372.589.567
Khấu hao trong năm	596.311.145	-	596.311.145
Tại ngày 31/12/2017	2.938.900.712	30.000.000	2.968.900.712
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	21.537.817.334	-	21.537.817.334
Tại ngày 31/12/2017	20.941.506.189	-	20.941.506.189

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2017 là 20.941.506.189 VND (tại ngày 01/01/2017 là 21.537.817.334 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng – Xem thêm *Thuyết minh mục 5.17.1, 5.17.2.*

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là công trình xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú giai đoạn 2 như sau:

	Năm 2017 VND
Số dư tại ngày 01/01/2017	5.727.109.980
Chi phí phát sinh trong năm	22.645.624.758
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình trong năm	(27.576.910.088)
Kết chuyển sang công cụ, dụng cụ trong năm	(775.384.650)
Kết chuyển sang chi phí trong năm	(20.440.000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	-

5.10 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2017 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	247.527.243	247.527.243
	-	247.527.243	247.527.243

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dược Cửu Long	5.810.479.400	5.261.286.800
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	1.143.376.300	1.697.294.500
Các nhà cung cấp khác	16.222.221.392	11.379.106.315
	23.176.077.092	18.337.687.615

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Shine Pharma	1.517.001.551	3.667.037.787
Công ty Vĩnh Tường Phát	361.364.250	419.730.000
Các khách hàng khác	1.393.913.571	1.475.362.016
	3.272.279.372	5.562.129.803

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng tiêu thụ nội địa	57.764.126	2.379.184.136	(2.213.327.030)	223.621.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp	407.058.972	1.887.733.767	(1.993.893.515)	300.899.224
Thuế thu nhập cá nhân	33.108.066	178.940.099	(167.479.687)	44.568.478
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	70.110.806	(70.110.806)	-
Các loại thuế khác	-	24.206.999	(24.206.999)	-
	497.931.164	4.540.175.807	(4.469.018.037)	569.088.934

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.919.332.587	9.708.988.648
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.196.219.736	1.158.212.979
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.115.552.323	10.867.201.627
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.115.552.323	10.867.201.627
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.823.110.465	2.173.440.325
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	64.623.302	(546.647.559)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.887.733.767	1.626.792.766

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14	Phải trả người lao động		31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
	Tiền lương tháng 12/2017 còn phải trả của công ty con USAR		261.661.766	-
	Tiền lương tháng 13 còn phải trả của công ty con USAR		58.618.904	-
			320.280.670	-
5.15	Chi phí phải trả ngắn hạn		31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
	Trích trước thưởng doanh số cho nhân viên bán hàng của công ty con USAR		138.000.000	-
	Trích trước chi phí khác		-	34.642.545
			138.000.000	34.642.545
5.16	Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác			
5.16.1	Phải trả ngắn hạn khác		31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
	Phải trả các đơn vị và cá nhân khác			
	Kinh phí công đoàn		13.875.512	167.600
	Bảo hiểm xã hội		57.861.663	-
	Bảo hiểm y tế		10.226.071	-
	Bảo hiểm thất nghiệp		4.384.421	-
	Cổ tức phải trả		146.265.287	52.910.287
	Các khoản phải trả khác		32.400.000	-
			265.012.954	53.077.887
5.16.2	Phải trả dài hạn khác		31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
	Phải trả các tổ chức và cá nhân			
	Nhận ký quỹ, ký cược		823.000.000	1.381.500.000
5.17	Vay ngắn hạn, dài hạn			
5.17.1	Vay ngắn hạn		31/12/2017	01/01/2017
			Số có khả	Số có khả
			Giá trị	Giá trị
			VND	VND
	Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan			
	Ông Thái Nhã Ngôn - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	3.000.000.000
	Ông Hồ Vinh Hiển (**)	1.400.000.000	1.400.000.000	-
	Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác			
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (***)	15.996.955.402	15.996.955.402	22.281.199.708
		27.396.955.402	27.396.955.402	25.281.199.708

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Là khoản vay Ông Thái Nhã Ngôn, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 01/HĐVV-BB012 ngày 24 tháng 11 năm 2016. Số tiền cho vay 3.000.000.000 VND Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 24 tháng 11 năm 2016 đến 23 tháng 11 năm 2017). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 02/HĐVV-BB012 ngày 20 tháng 1 năm 2017. Số tiền cho vay 2.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là gần 02 năm (từ ngày 20 tháng 1 năm 2017 đến 19 tháng 12 năm 2018). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động (6,8%/năm). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 03/HĐVV-BB012 ngày 18 tháng 5 năm 2017. Số tiền cho vay 2.700.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 18 tháng 5 năm 2017 đến 17 tháng 5 năm 2018). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động (6,8%/năm). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 04/HĐVV-BB012 ngày 25 tháng 09 năm 2017. Số tiền cho vay 1.300.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 25 tháng 09 năm 2017 đến 24 tháng 09 năm 2018). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động (6,8%/năm). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 06/HĐVV-BB012 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Số tiền cho vay 1.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 27 tháng 10 năm 2017 đến 26 tháng 10 năm 2018). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động (6,8%/năm). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Là khoản vay Ông Hồ Vinh Hiển, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kiêm Phó Tổng giám đốc theo hợp đồng vay số 06/HĐVV-BB012 ngày 27 tháng 10 năm 2017. Số tiền cho vay 1.400.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 01 năm (từ ngày 27 tháng 10 năm 2017 đến 26 tháng 10 năm 2018). Lãi suất vay bằng mức lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm huy động (6,8%/năm). Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(***) Là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 170580045/2017-HĐTDHM/NHCT923-PHONGPHU ngày 14 tháng 06 năm 2017:

- | | |
|-------------------|--|
| Mục đích vay | : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm của Công ty. |
| Thời hạn vay | : Theo từng khế ước nhận nợ, tối đa không quá 6 tháng. |
| Lãi suất vay | : 9,5%/năm, điều chỉnh theo từng khế ước nhận nợ. |
| Hình thức đảm bảo | : 1. Quyền sử dụng có thời hạn của 04 thửa đất và các tài sản gắn liền với thửa đất trong hiện tại và tương lai như sau: <ul style="list-style-type: none">- Thửa đất số 38 tờ bản đồ số 10, Bộ địa chính, Phường 03, Quận 08, Tp.Hồ Chí Minh theo GCNQSD đất số CC336413, diện tích 13,1 m², thời gian sử dụng đất đến ngày 07 tháng 05 năm 2017.- Thửa đất số 3 tờ bản đồ số 13, Bộ địa chính Phường 15, Quận 08, Tp.Hồ Chí Minh theo GCNQSD đất số CC336411, diện tích 53,1 m² thời gian sử dụng đất đến ngày 07 tháng 05 năm 2017.- Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 21, Bộ địa chính Phường 9, Quận 08, Tp.Hồ Chí Minh theo GCNQSD đất số CC336412, diện tích 18,9 m² thời gian sử dụng đất đến ngày 07 tháng 05 năm 2017.- Thửa đất số 74, tờ bản đồ số 25, Bộ địa chính Phường 2, Quận 08, Tp.Hồ Chí Minh theo GCNQSD đất số CC336414 diện tích 32,9 m² thời |

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

gian sử dụng đất đến ngày 05 tháng 05 năm 2017.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất định giá giá trị của các tài sản thế chấp trên là 4.023.680.000 VND theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 160580181/HĐTC ngày 19 tháng 05 năm 2016.

2. Lô công trình nhà máy sản xuất dược phẩm tại địa chỉ Lô số 12, đường số 8 - Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo GCN quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 694332 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/09/2010. Diện tích xây dựng 1825,1m². Diện tích sàn xây dựng: 3.358,9m². Không có thời hạn sở hữu. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 18.138.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 170580085/HĐTC ngày 04/04/2017.
3. Toàn bộ hàng hóa của Công ty Cổ phần dược phẩm Phong Phú là nguyên vật liệu dược phẩm các loại với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 15.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 160470013/HĐTC ngày 26/01/2016 (xem thêm *Thuyết minh mục 5.5*)
4. Quyền sử dụng có thời hạn của 05 thửa đất và các tài sản gắn liền với thửa đất trong hiện tại và tương lai như sau:
 - Thửa đất số 74 tờ bản đồ 25 GCN QSDĐ số AK 469877 ngày 18/02/2008, địa chỉ 132 Nguyễn Thị Tần, Phường 2, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, diện tích 32,9 m².
 - Thửa đất số 2 tờ bản đồ 21 GCN QSDĐ số AK 469876 ngày 18/02/2008, địa chỉ 623 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, diện tích 18,9 m².
 - Thửa đất số 3 tờ bản đồ 13 GCN QSDĐ số AK 469875 ngày 18/02/2008, địa chỉ 313 Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, diện tích 53,1 m².
 - Thửa đất số 38 tờ bản đồ 10 GCN QSDĐ số AK 469874 ngày 18/02/2008, địa chỉ 11 Đường Âu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, diện tích 13,1 m².
 - Thửa đất số 31 tờ bản đồ 7 GCN QSDĐ số AK 469879 ngày 18/02/2008, địa chỉ 543 Tùng Thiện Vương, Phường 12, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh diện tích 5,9 m².Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên chưa thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số: 150450042/HĐTC ngày 3 tháng 3 năm 2015.
5. Các máy móc thiết bị đang sử dụng tại nhà máy sản xuất thuốc lô 12, đường số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh theo mục lục liệt kê trong hợp đồng thế chấp động sản số 150450100/HĐTC ngày 14/05/2015. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 10.101.600.000 VND.
6. Thửa đất số 335 tờ bản đồ 39 GCN QSDĐ số BB 694332 ngày 11/09/2010, địa chỉ tại phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, diện tích 5.600 m². Theo hợp đồng thế chấp BĐS số 150450047, tại thời điểm ký kết hợp đồng này các bên thống nhất giá trị tài sản thế chấp là 22.400.000.000 VND.

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND.
Số dư tại ngày : 15.996.955.402 VND.
31/12/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm tài chính như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.000.000.000	8.400.000.000	-	11.400.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	22.281.199.708	42.571.706.285	(48.855.950.591)	15.996.955.402
	25.281.199.708	50.971.706.285	(48.855.950.591)	27.396.955.402

5.17.2 Vay dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn các tổ chức khác				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn (**)	22.178.250.285	22.178.250.285	5.973.037.326	5.973.037.326
	22.178.250.285	22.178.250.285	5.973.037.326	5.973.037.326

(**) Là khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 160580102/2016 - HĐTDDA/NHCT923 ngày 14 tháng 11 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú giai đoạn II.

Thời hạn vay : 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Lãi suất vay : 9,00%/năm, được điều chỉnh theo Giấy nhận nợ.

Hình thức đảm bảo : - Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay của dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm Phong Phú giai đoạn II và các quyền, lợi ích gắn liền với tất cả các hợp đồng bảo hiểm. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 16.669.869.000 VND theo Hợp đồng thế chấp động sản số 160580222/HĐTC ngày 04 tháng 11 năm 2016.

- Tài sản gắn liền với thửa đất là tài sản hình thành trong tương lai theo giấy phép xây dựng số 86/GPXD-GĐ 2 ngày 06 tháng 09 năm 2016. Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên thống nhất định giá trị tài sản thế chấp là 28.502.186.000 VND theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 160580223/HĐTC ngày 08 tháng 11 năm 2016.

Hạn mức vay : 30.000.000.000 VND.

Số dư tại ngày 31/12/2017 : 22.178.250.285 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm
Tại ngày 31/12/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	22.178.250.285	-	22.178.250.285
	22.178.250.285	-	22.178.250.285
Tại ngày 01/01/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	5.973.037.326	-	5.973.037.326
	5.973.037.326	-	5.973.037.326

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	5.973.037.326	16.505.212.959	22.478.250.285
	5.973.037.326	16.505.212.959	22.478.250.285

5.17.3 Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2017 VND	Tăng trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2017 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	674.619.187	634.374.936	(467.660.000)	841.334.123
Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	146.219.588	(146.219.588)	-
	674.619.187	780.594.524	(613.879.588)	841.334.123

5.19 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày					
01/01/2016	45.000.000.000	2.205.500.000	2.619.774.643	4.451.768.665	54.277.043.308
Lãi trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.082.195.882	8.082.195.882
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(808.219.589)	(808.219.589)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	808.219.589	(808.219.589)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(2.632.500.000)	(2.632.500.000)
Số dư tại ngày	60.000.000.000	2.205.500.000	3.427.994.232	8.285.025.369	73.918.519.601
31/12/2016					
Số dư tại ngày					
01/01/2017	60.000.000.000	2.205.500.000	3.427.994.232	8.285.025.369	73.918.519.601
Lãi trong năm	-	-	-	6.343.749.365	6.343.749.365
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(634.374.936)	(634.374.936)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(146.219.583)	(146.219.583)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	634.374.936	(634.374.936)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Số dư tại ngày	60.000.000.000	2.205.500.000	4.062.369.168	8.413.805.279	74.681.674.447
31/12/2017					

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Ông Thái Nhã Ngôn	26.768.910.000	44,61%	26.768.910.000	44,61%
Bà Lê Thanh Trúc	5.711.600.000	9,52%	5.711.600.000	9,52%
Ông Hồ Vinh Hiển	3.119.000.000	5,20%	3.119.000.000	5,20%
Các cổ đông khác	24.400.490.000	40,67%	24.400.490.000	40,67%
	60.000.000.000	100,00%	60.000.000.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/ Cổ phiếu.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Công ty mẹ thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2017 như sau:

	VND
• Chia cổ tức theo tỷ lệ 8% x mệnh giá cổ phiếu x số lượng cổ phiếu đang lưu hành, tức là mỗi cổ phiếu được nhận 800 VND.	4.800.000.000
• Trích khen thưởng Ban điều hành là 10% lợi nhuận vượt kế hoạch của năm 2016	146.219.583

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tạm trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017 như sau:

	VND
• Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 cho quỹ đầu tư phát triển	634.374.936
• Trích 10% từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 cho quỹ khen thưởng phúc lợi	634.374.936

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu thành phẩm	54.043.143.906	59.217.168.831
Doanh thu bán hàng	80.680.387.283	63.580.946.925
	134.723.531.189	122.798.115.756

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hàng bán bị trả lại	2.785.744.586	1.893.760.835
Giảm giá hàng bán	22.337.766	-
	2.808.082.352	1.893.760.835

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm	32.348.365.499	39.833.506.559
Giá vốn hàng hóa đã bán	70.765.848.324	57.384.245.206
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.005.526.771	232.109.445
	104.119.740.594	97.449.861.210

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.681.060	175.831.088
	40.681.060	175.831.088

6.5 Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong năm	3.301.820.320	106.064.584
- Chi phí lãi vay phát sinh trong năm	3.301.820.320	2.443.888.415
- Ngân sách Nhà nước cấp bù lãi vay	-	(2.337.823.831)
Chi phí tài chính khác	10.752.500	-
	3.312.572.820	106.064.584

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	4.579.224.352	2.781.568.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	69.608.325	30.316.635
Chi phí bán hàng khác	427.873.963	451.279.257
	5.076.706.640	3.263.164.030



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	7.484.426.742	6.143.071.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.976.467	671.319.598
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	726.941.931	411.959.414
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.061.816.413	2.767.337.680
	11.938.161.553	9.993.688.505

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Gia công sản phẩm	420.000.000	-
Hàng khuyến mãi	167.211.815	132.264.381
Thu nhập từ thanh lý tài sản	13.636.364	-
Thu nhập khác	229.083	105.176.788
	601.077.262	237.441.169

6.9 Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thuế chuyển quyền sở hữu nhà đất số 30-32 Phong Phú, phường 12, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh	-	752.858.700
Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	190.692.965	43.001.501
	190.692.965	795.860.201

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND 6.343.749.365	8.082.195.882
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	VND (780.594.525)	(808.219.589)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND 5.563.154.840	7.273.976.293
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	CP 6.000.000	5.901.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP 927	1.233

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.000.000	4.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 01 năm 2016	-	1.500.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	5.901.370

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.712.929.428	57.987.594.225
Chi phí mua hàng hóa thương mại	23.204.970.824	26.901.139.916
Chi phí nhân công	22.399.862.798	17.682.798.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.076.016.682	3.708.859.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.784.238.260	3.703.895.548
Chi phí khác	6.513.593.734	3.233.534.033
	118.691.611.726	113.217.821.371

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	67.476.919.244	32.370.902.096

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	48.855.950.591	41.076.665.062

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty mẹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty mẹ đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Phải trả người bán	23.176.077.092	-	23.176.077.092
Các khoản phải trả khác	-	823.000.000	823.000.000
Các khoản vay và nợ			
<i>Vay phải trả các bên liên quan</i>	11.400.000.000	-	11.400.000.000
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	15.996.955.402	22.178.250.285	38.175.205.687
	50.573.032.494	23.001.250.285	73.574.282.779
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Phải trả người bán	18.337.687.615	-	18.337.687.615
Các khoản chi phí phải trả	34.642.545	-	34.642.545
Các khoản phải trả khác	-	1.381.667.600	1.381.667.600
Các khoản vay và nợ			
<i>Vay phải trả các bên liên quan</i>	3.000.000.000	-	3.000.000.000
<i>Vay phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.281.199.708	5.973.037.326	28.254.237.034
	43.653.529.868	7.354.704.926	51.008.234.794

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản gắn liền với đất vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.7; 5.8; 5.17*).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 01/01/2017 (*Thuyết minh số 5.16.2*).

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý (*)	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2017 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu khách hàng	14.332.923.350	13.338.452.959	14.332.923.350	13.338.452.959
Phải thu khác	1.998.492.171	541.000.000	1.998.492.171	541.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.830.763.907	14.168.035.416	6.830.763.907	14.168.035.416
	23.162.179.428	28.047.488.375	23.162.179.428	28.047.488.375
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	23.176.077.092	18.337.687.615	23.176.077.092	18.337.687.615
Chi phí phải trả	-	34.642.545	-	34.642.545
Các khoản phải trả khác	823.000.000	1.381.667.600	823.000.000	1.381.667.600
Các khoản vay và nợ				
<i>Vay phải trả các bên liên quan</i>	11.400.000.000	3.000.000.000	11.400.000.000	3.000.000.000
<i>Vay phải trả các tổ chức khác</i>	38.175.205.687	28.254.237.034	38.175.205.687	28.254.237.034
	73.574.282.779	51.008.234.794	73.574.282.779	51.008.234.794

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Thái Nhã Ngôn – Chủ tịch		
- Vay ngắn hạn	7.000.000.000	3.000.000.000
- Trả nợ vay ngắn hạn	-	8.000.000.000
Ông Hồ Vinh Hiển – Phó Chủ tịch		
- Vay ngắn hạn	1.400.000.000	-
- Trả nợ vay ngắn hạn	-	360.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên		
- Vay ngắn hạn	-	-
- Trả nợ vay ngắn hạn	-	600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG PHÚ

Lô số 12, đường Số 8, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công nợ phải trả cho các thành viên quản lý chủ chốt

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Thái Nhã Ngôn – Phải trả tiền vay (Xem thêm thuyết minh mục 5.17.1, 5.17.2)	10.000.000.000	3.000.000.000
Ông Hồ Vinh Hiển – Phải trả tiền vay (Xem thêm thuyết minh mục 5.17.1, 5.17.2)	1.400.000.000	-
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thù lao, lương và thưởng	<u>1.536.553.650</u>	<u>1.600.455.018</u>

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác trong năm tài chính.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có số dư công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

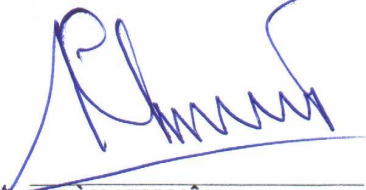
9.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

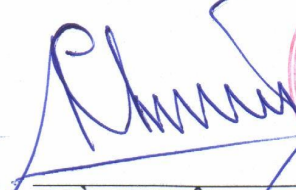
Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

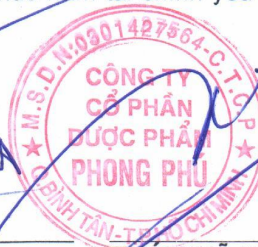
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



ĐOÀN KIM VÂN
Người lập



ĐOÀN KIM VÂN
Kế toán trưởng



THÁI NHÃ NGÔN
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2018